

QUYỀN PHẢN TỐ CỦA BỊ ĐƠN TRONG GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015⁽¹⁾

BÙI THỊ HUYỀN *

Tóm tắt: Bài viết luận giải các quan niệm khác nhau về phản tố, phân tích, đánh giá các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phản tố và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện phản tố của bị đơn trong tố tụng dân sự, đồng thời đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật về khái niệm và nội dung của phản tố; điều kiện và thời điểm phản tố của bị đơn trong tố tụng dân sự; giải quyết hậu quả pháp lý khi bị đơn có yêu cầu phản tố được toà án triệu tập tham gia hoà giải nhưng vắng mặt.

Từ khoá: Bị đơn; chuẩn bị xét xử sơ thẩm; quyền phản tố; tố tụng dân sự

Nhận bài: 05/02/2020

Hoàn thành biên tập: 25/6/2020

Duyệt đăng: 30/8/2020

THE RIGHT TO COUNTERCLAIM OF DEFENDANTS IN FIRST-INSTANCE TRIAL PREPARATION UNDER THE 2015 CIVIL PROCEDURE CODE

Abstract: This article discusses different points of view on counterclaims, as well as analyzes and reviews the provisions of the Civil Procedure Code 2015 on counterclaims and other related issues in exercising this defendants' right in civil procedures. Thereby it offers some recommendations for improving the legal provisions on the definition and contents of counterclaims; the conditions and time for defendants to file counterclaims; the settlement of legal consequences in case where the defendant, who files counterclaims, is summoned to attend the mediation session at court but fails to appear.

Keywords: Defendant; first-instance pre-trial; counter-claim; civil procedures

Received: Feb 5th, 2020; Editing completed: June 25th, 2020; Accepted for publication: Aug 30th, 2020

Khi tham gia vào quá trình giải quyết vụ án dân sự, các đương sự với tư cách là chủ thể quan hệ pháp luật nội dung có tranh chấp và chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng nên không chỉ có các quyền và nghĩa vụ của quan hệ pháp luật nội dung mà còn có các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Trên nguyên tắc bảo đảm “mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo

vệ một cách công bằng mà không có sự phân biệt nào...”,⁽²⁾ pháp luật tố tụng dân sự (TTDS) Việt Nam đã ngày càng hoàn thiện nhằm bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đương sự trong TTDS. Để bảo đảm cho bị đơn có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và bình đẳng với quyền khởi kiện của nguyên đơn, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định bị đơn có ba

* Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: huyentds@hlu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài khoa học cấp cơ sở: “Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án dân sự - Thực trạng và giải pháp”, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019.

(2). Điều 7 Tuyên ngôn Toàn thế giới về quyền con người được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua và công bố ngày 10/12/1948. Xem: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb. Lao động-Xã hội, Hà Nội, 2011, tr. 50.

quyền đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: 1) chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; 2) phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; 3) đưa ra yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, quy định về phản tố của bị đơn còn một số điểm chưa cụ thể, “*chưa có quy định thống nhất giữa các quy định về quyền yêu cầu của bị đơn*”.⁽³⁾

1. Quan niệm về phản tố của bị đơn trong tố tụng dân sự

Theo nghĩa chung nhất thì “phản tố” là kiện ngược lại. “Phản tố” được hiểu là quyền của bị đơn nhằm kiện ngược lại nguyên đơn (người đã kiện mình). “Phản” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng có tính đối lập với yêu cầu khởi kiện nhưng sự đối lập không chỉ bao gồm việc loại trừ trực tiếp yêu cầu của nguyên đơn mà có thể theo hướng bù trừ nghĩa vụ được nêu trong yêu cầu của nguyên đơn.⁽⁴⁾ Tuy nhiên, để hiểu thế nào là phản tố, cần làm rõ hai nội dung: khái niệm phản tố và nội dung của phản tố.

Thứ nhất, về khái niệm phản tố

Trong các nghiên cứu về “phản tố” đã có nhiều quan điểm cho rằng, phản tố là việc bị đơn khởi kiện ngược lại nguyên đơn. Theo tác giả Nguyễn Huy Đầu thì bắt đầu của vụ kiện là việc nguyên đơn “*sử dụng tố quyền để thỉnh cầu toà án công nhận quyền lợi... Nhưng còn có những lời thỉnh cầu khác trong lúc giao đấu đang tiếp diễn, đó là*

những lời thỉnh cầu phụ đối... Nếu lời thỉnh cầu là của bị đơn, nghĩa là bị đơn không muốn giữ thế thủ nữa mà chuyển qua giai đoạn tấn công trở lại, thì là đơn phản tố... Về nội dung đơn phản tố phải có liên thuộc với đơn chính (đơn khởi kiện), chứ không thể được hoàn toàn tự do, không ăn nhập với nội vụ”.⁽⁵⁾ Theo quan niệm này thì phản tố là việc bị đơn kiện lại người đã khởi kiện mình và yêu cầu kiện lại của bị đơn phải liên quan đến yêu cầu của người đã khởi kiện mình. Tuy nhiên, quan niệm này chưa làm rõ được người đã khởi kiện bị đơn là ai và yêu cầu kiện lại có liên quan là yêu cầu gì.

Đồng quan điểm này, tác giả Nguyễn Khánh Toàn cho rằng, phản tố là quyền của bị đơn trong vụ án dân sự; thực chất việc phản tố của bị đơn là việc bị đơn khởi kiện ngược lại người đã kiện mình (tức là kiện ngược trở lại với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn) nhưng được xem xét, giải quyết cùng với đơn khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án vì việc giải quyết yêu cầu của hai bên có liên quan chặt chẽ với nhau.⁽⁶⁾ Tác giả Chu Xuân Minh cũng cho rằng, “*phản tố là khởi kiện thêm một vụ án khác... Yêu cầu phản tố cũng là yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, là yêu cầu độc lập của bị đơn đối với nguyên đơn nên được gọi là “phản tố”*”.⁽⁷⁾ Có thể thấy, quan niệm này không phân biệt rõ yêu cầu “phản tố” và “yêu cầu độc lập” của bị đơn.

(3). Nguyễn Thị Thu Hà (chủ nhiệm), “*Cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong tố tụng dân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp và thi hành Hiến pháp năm 2013*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017, tr. 116.

(4). Nguyễn Khánh Toàn, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2011, tr. 671.

(5). Nguyễn Huy Đầu, *Luật Dân sự tố tụng Việt Nam*, Nxb. Khai trí, Sài Gòn, 1962, tr. 59 - 61.

(6). Nguyễn Khánh Toàn, sđd, tr. 671.

(7). Chu Xuân Minh, “Phản tố trong vụ án li hôn”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchi.toaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/phan-to-trong-vu-an-ly-hon>, truy cập 30/12/2019.

Trong các văn bản pháp luật TTDS của Việt Nam, thuật ngữ “phản tố” lần đầu tiên xuất hiện trong BLTTDS năm 2004. Theo đó, điểm c khoản 1 Điều 60 BLTTDS năm 2004 quy định bị đơn có quyền “*đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ mà nguyên đơn yêu cầu*”. Để giải thích về quyền phản tố của bị đơn, Điều 11 Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (HĐTPTATC) hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại toà án cấp sơ thẩm” hướng dẫn: “*Được coi là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, nếu yêu cầu đó độc lập, không cùng về yêu cầu mà nguyên đơn yêu cầu toà án giải quyết. Trường hợp bị đơn có yêu cầu cùng về yêu cầu của nguyên đơn (như yêu cầu toà án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hoặc chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn), thì đây là ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn*”. Theo hướng dẫn này thì phản tố là việc bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn về một yêu cầu có liên quan đến vụ án mà nguyên đơn đã kiện bị đơn. Về bản chất, yêu cầu phản tố cũng là yêu cầu khởi kiện nên yêu cầu này có thể được khởi kiện bằng vụ án độc lập. Cần phân biệt yêu cầu phản tố với quyền đưa ra ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đó, chỉ coi là ý kiến của bị đơn mà không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, nếu bị đơn có yêu cầu cùng với yêu cầu của nguyên đơn (như yêu cầu toà án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hoặc chỉ chấp nhận một phần

yêu cầu của nguyên đơn). Tiếp theo, Điều 176 BLTTDS năm 2011 quy định bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của HĐTPTATC hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại toà án cấp sơ thẩm” của BLTTDS năm 2011, hướng dẫn: “*Được coi là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nếu yêu cầu đó độc lập, không cùng với yêu cầu mà nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu toà án giải quyết*”. Theo hướng dẫn này thì phản tố không chỉ là việc bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn mà còn bao gồm cả việc bị đơn kiện ngược lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Kế thừa Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP, Điều 200 BLTTDS năm 2015 quy định “*bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*”. Tuy nhiên, theo Điều 72 BLTTDS năm 2015, phản tố chỉ là việc bị đơn “*đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ của nguyên đơn*”. Như vậy, có sự không thống nhất giữa Điều 72 và Điều 200 BLTTDS năm 2015 về quyền phản tố của bị đơn. Do đó, câu hỏi đặt ra là: Phản tố chỉ là việc bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn hay bao gồm cả việc bị đơn kiện ngược lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập?

Ở đây cần xác định, phản tố không chỉ là việc bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn mà còn bao gồm bị đơn kiện ngược lại người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bởi bản chất của phản tố là việc bị đơn theo đuổi vụ kiện, kiện ngược lại người đã khởi kiện mình. Quy tắc của Toà án Singapore cũng quy định cụ thể về quyền phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.⁽⁸⁾ Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình cũng như đảm quyền bình đẳng với các đương sự, khi tham gia vào quá trình tố tụng, bị đơn có quyền đưa ra ý kiến của mình đối với yêu cầu của các đương sự khác (nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), đồng thời có quyền kiện lại khi xét thấy cần thiết. Về bản chất, yêu cầu phản tố cũng là yêu cầu kiện hay còn gọi là “tố quyền” nên yêu cầu này có thể được khởi kiện bằng vụ án độc lập, song việc giải quyết yêu cầu này trong cùng vụ án đã phát sinh do nguyên đơn khởi kiện sẽ nhanh chóng, triệt để và tiết kiệm hơn. Cần phân biệt yêu cầu phản tố với quyền đưa ra ý kiến, phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đó, *“chỉ coi là ý kiến của bị đơn mà không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nếu bị đơn có yêu cầu cùng với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

có yêu cầu độc lập (như yêu cầu Toà án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập hoặc chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập)”.⁽⁹⁾ Do đó, nếu bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn về một yêu cầu khác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đương nhiên đó là yêu cầu phản tố. Trong trường hợp vụ án có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà người này kiện bị đơn và sau đó bị đơn kiện ngược lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về một yêu cầu khác với yêu cầu kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì cũng cần được coi là yêu cầu phản tố. Trong trường hợp vụ án có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không kiện bị đơn mà bị đơn lại kiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì đó là yêu cầu độc lập.

Chẳng hạn, tình huống sau: Ông Nguyễn Văn Kh. và bà Nguyễn Thị H là hai vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1968 và có tạo dựng được thửa đất diện tích 284m². Tháng 12/1994, uỷ ban nhân dân huyện X đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 284m², thửa số 38, tờ bản đồ số 6 mang tên ông Nguyễn Văn Kh. Ngày 20/4/2017, ông Nguyễn Văn Kh đã cùng vợ chồng ông Phan Thành T và bà Huỳnh Thị M đến Văn phòng công chứng số 3 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên, sau đó uỷ ban

(8). Quy tắc số 15 về “Các yêu cầu phản tố và đương sự” của Toà án Singapore ngày 01/04/1996, sửa đổi ngày 21/3/2014, <https://sso.agc.gov.sg/SL/SCJA1969-R5?DocDate=20200113&ProvIds=PO15-&ViewType=Within&Phrase=Counterclaim&WiAl=1>, truy cập 02/6/2020.

(9). Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của HĐTPTATC hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại toà án cấp sơ thẩm” của BLTTDS năm 2011.

nhân dân huyện X đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 284m², thửa số 38, tờ bản đồ số 6 cho ông Phan Thành T và bà Huỳnh Thị M. Ngày 08/5/2019, bà Nguyễn Thị H khởi kiện vợ chồng ông Phan Thành Tr và bà Huỳnh Thị M để huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Nguyễn Văn Kh với vợ chồng ông Phan Thành Tr và bà Huỳnh Thị M. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của toà án, ông Tr và bà M trình bày: Sở dĩ ông bà đồng ý mua thửa đất trên của ông Kh vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Kh, ông Kh có cam kết thửa đất là của bố mẹ ông cho riêng ông. Bên cạnh đó, tháng 6/2015 do ông Kh có vay của ông bà 300 triệu đồng nhưng chưa trả được nên hai bên đã thoả thuận số tiền 300 triệu đồng sẽ được khấu trừ vào tiền ông bà mua đất. Nay bà H khởi kiện ông bà thì ông bà có đơn yêu cầu buộc ông Kh trả cho ông bà 300 triệu đồng. Trong tình huống này, ông Tr và bà M được xác định là bị đơn, do bà H không khởi kiện ông Kh nhưng ông có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án này nên được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong trường hợp này, do trước đó ông Kh không đưa ra yêu cầu độc lập với bị đơn nên việc bị đơn kiện đòi ông Kh 300 triệu đồng không được coi là yêu cầu phản tố mà là yêu cầu độc lập của bị đơn đối với người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo khoản 5 Điều 72 BLTTDS năm 2015.

Ví dụ 2: Ông A và B (Tiền Giang) chung sống với nhau từ năm 1963, do không có con chung, ông bà nhận M là con nuôi. Năm 1972, ông A chung sống với bà C (ở tỉnh ĐN) có hai người con là E và F. Năm 1993,

Ủy ban nhân dân tỉnh ĐN đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1785m², mang tên hộ gia đình ông A, diện tích này hiện do F quản lý, sử dụng. Ông A chết năm 2013, bà B chết tháng 3/2017, bà C chết tháng 12/2017, cả ba người đều không để lại di chúc. Tháng 6/2018, E khởi kiện F chia di sản thừa kế của ông A. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án trên, M có đơn yêu cầu độc lập đối với F về việc chia di sản thừa kế của ông A là căn nhà số 67 - tài sản chung của ông A và bà C, hiện cũng do F đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo thụ lý của toà án về yêu cầu độc lập của M, F có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế căn nhà số 89 - là tài sản chung của ông A với bà B, hiện đang do M quản lý, sử dụng. Như vậy, trong trường hợp này, ban đầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (M) đưa ra yêu cầu độc lập đối với bị đơn (F) về chia thừa kế căn nhà số 67. Sau đó bị đơn kiện ngược lại người liên quan có yêu cầu độc lập về chia thừa kế căn nhà số 89 nên yêu cầu này của bị đơn được gọi là yêu cầu phản tố.

Có thể thấy, khoản 4 Điều 72 BLTTDS năm 2015 mới chỉ quy định về quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn mà không quy định về quyền phản tố của bị đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Trong khi đó, khoản 1 Điều 200 BLTTDS năm 2015 quy định: *“bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập”*. Điều 72 BLTTDS năm 2015 chưa phản ánh hết quyền phản tố của bị đơn nên cần sửa điều luật này nhằm phản ánh đầy đủ bản chất của quyền phản tố của bị đơn cũng như bảo

đảm sự tương thích với Điều 200 BLTTDS năm 2015. Cụ thể, cần sửa khoản 5 Điều 72 BLTTDS năm 2015 về quyền phản tố của bị đơn như sau: “5. Đưa ra yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các yêu cầu này có liên quan đến việc giải quyết vụ án”.

Thứ hai, về nội dung của phản tố

Đa số các nghiên cứu về phản tố đều thống nhất rằng, chỉ được coi là yêu cầu phản tố nếu yêu cầu kiện ngược lại của bị đơn không cùng với yêu cầu mà người khởi kiện mình đã đưa ra, tức là yêu cầu phản tố của bị đơn phải khác với yêu cầu khởi kiện của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, yêu cầu phản tố của bị đơn phải khác với quan hệ pháp luật mà nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã kiện bị đơn hay khác với yêu cầu cụ thể mà nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã kiện bị đơn là vẫn đề còn có các quan điểm khác nhau.

Tiêu chí để xác định yêu cầu phản tố của bị đơn, bao gồm hai điều kiện:

Một là yêu cầu phản tố phải nhằm bù trừ, loại trừ hoặc có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo tác giả Nguyễn Huy Đầu “về nội dung đơn phản tố phải có liên thuộc với đơn chính (đơn khởi kiện), chứ không thể được hoàn toàn tự do, không ăn nhập với nội vụ”.⁽¹⁰⁾ Khoản 2 Điều 200 BLTTDS năm 2015 cũng quy định yêu cầu phản tố của bị đơn phải có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bản chất trong trường hợp này là toà án đã nhập các yêu cầu có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án. Điều này giúp cho việc giải quyết các yêu cầu của đương sự chính xác, nhanh chóng và tiết kiệm hơn. Sau khi thực hiện phản tố thì bị đơn sẽ chủ động trong việc chứng minh yêu cầu phản tố của mình để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho chính mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có thể đưa ra nhiều yêu cầu khác nhau song không phải yêu cầu nào cũng được coi là yêu cầu phản tố. Yêu cầu kiện của bị đơn được coi là yêu cầu phản tố khi thuộc một trong các trường hợp sau:⁽¹¹⁾

- Thông thường yêu cầu phản tố của bị đơn là để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Theo đó, yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là trường hợp bị đơn có nghĩa vụ đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cũng có nghĩa vụ đối với bị đơn; do đó, bị đơn có yêu cầu toà án giải quyết để bù trừ nghĩa vụ mà họ phải thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Yêu cầu phản tố được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc

(10). Nguyễn Huy Đầu, sđd, tr. 59 - 61.

(11). Điều 200 BLTTDS năm 2015.

lập. Đây là trường hợp cùng một đối tượng tranh chấp nhưng nguyên đơn và bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra hai yêu cầu đối lập nhau và nếu yêu cầu kiện ngược lại của bị đơn mà được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn. Có sự liên quan giữa yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là trường hợp hai yêu cầu này có mối quan hệ với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh chóng hơn.

Như vậy, phản tố là việc bị đơn kiện lại nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nhằm bù trừ nghĩa vụ hoặc có liên quan hoặc loại trừ một phần, toàn bộ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Ngược lại, nếu các yêu cầu này không có liên quan với nhau thì toà án phải giải quyết trong các vụ án khác nhau.

Hai là được coi là yêu cầu phản tố, nếu yêu cầu kiện ngược lại của bị đơn khác với quan hệ pháp luật mà nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu đã kiện bị đơn hoặc tuy thuộc cùng quan hệ pháp luật mà nguyên đơn, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đã kiện bị đơn nhưng khác với yêu cầu cụ thể mà nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã kiện bị đơn. Đối với trường hợp yêu cầu bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác với quan hệ pháp luật mà nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã kiện bị đơn, có liên quan đến yêu cầu kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì đương nhiên là yêu cầu phản tố. Riêng đối với trường hợp yêu cầu kiện ngược lại của bị đơn cùng thuộc cùng quan hệ pháp luật mà nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã kiện bị đơn nhưng khác với yêu cầu cụ thể mà nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã kiện bị đơn là vấn đề có các ý kiến khác nhau.

Chẳng hạn, A khởi kiện B li hôn và tranh chấp về nuôi con. Sau khi thụ lý vụ án, B có đơn yêu cầu toà án chia tài sản chung của vợ chồng.⁽¹²⁾ Trong trường hợp này, yêu cầu của bị đơn vẫn thuộc vụ án li hôn mà nguyên đơn đã khởi kiện nhưng yêu cầu của bị đơn khác với yêu cầu mà nguyên đơn đã khởi kiện nên không thể coi đây là yêu cầu phản đối của bị đơn đối với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn là yêu cầu phản tố mà giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn.⁽¹³⁾

(12). Học viện Tư pháp, *Giáo trình Kỹ năng chuyên sâu của luật sư trong việc giải quyết các vụ án dân sự*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2016, tr. 449.

(13). Chu Xuân Minh, tldđ.

Nếu không coi đây là yêu cầu phản tố của bị đơn thì bị đơn phải kiện tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng với nguyên đơn bằng một vụ kiện khác. Điều đó, vừa không hợp lí, vừa gây khó khăn cho đương sự.

Ví dụ khác, trong vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là một trăm triệu đồng. Bị đơn thừa nhận nghĩa vụ chậm thanh toán như nguyên đơn yêu cầu nhưng chỉ đồng ý trả bảy mươi triệu đồng vì cho rằng hàng hoá nguyên đơn cung cấp không đảm bảo chất lượng theo thoả thuận làm thiệt hại cho bị đơn ba mươi triệu đồng. Có thể thấy, yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn đều trong tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hoá. Tuy nhiên, yêu cầu nguyên đơn khởi kiện là yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ thanh toán, còn yêu cầu của bị đơn là yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng về chất lượng hàng hoá. Tương tự như ví dụ trên, ở đây, yêu cầu của bị đơn không thể là yêu cầu phản đối và cần coi đó là yêu cầu phản tố có liên quan với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn.⁽¹⁴⁾

Như vậy, phản tố của bị đơn có các đặc điểm đặc trưng: 1) Bản chất của phản tố cũng chính là yêu cầu “kiện”. Phản tố là việc bị đơn thực hiện “tố quyền” của mình trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên các điều kiện khi thực hiện phản tố phải giống với các điều kiện khi nguyên đơn

thực hiện việc khởi kiện, đồng thời đối với yêu cầu phản tố, bị đơn mang quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn; 2) Phản tố phát sinh khi toà án khi thụ lí vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; 3) Phản tố là việc bị đơn yêu cầu toà án giải quyết quan hệ pháp luật hoặc tuy cùng quan hệ pháp luật nhưng về một yêu cầu khác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Từ các phân tích trên, BLTTDS năm 2015 cần bổ sung định nghĩa về phản tố như sau: “Phản tố là việc bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về một quan hệ pháp luật hoặc tuy cùng quan hệ pháp luật nhưng về một yêu cầu khác có liên quan với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nhằm để bù trừ nghĩa vụ hoặc có liên quan hoặc loại trừ một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập”.

2. Điều kiện và thời điểm phản tố của bị đơn trong tố tụng dân sự

Theo Điều 202 BLTTDS năm 2015, thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, khi đưa ra yêu cầu phản tố, bị đơn phải thực hiện các thủ tục giống như việc khởi kiện của nguyên đơn về nội dung và hình thức đơn phản tố; bị đơn là người có quyền đưa ra yêu cầu phản tố (là người có quyền, lợi ích liên quan đến yêu cầu phản tố); yêu cầu phản tố thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án theo thủ tục TTDS; yêu

(14). Bùi Thị Huyền, “Quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự theo quy định của BLTTDS năm 2015”, *Tạp chí Luật học*, số 7/2017, tr. 44.

cầu phản tố chưa được toà án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật; yêu cầu phản tố đáp ứng các điều kiện do pháp luật quy định (nếu có). Trong trường hợp yêu cầu phản tố của bị đơn được toà án chấp nhận (thụ lí giải quyết) để giải quyết trong cùng một vụ án thì ngày thụ lí vụ án để tính thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án đó là ngày toà án nhận được đơn về yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu bị đơn được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí) hoặc ngày thụ lí vụ án là ngày bị đơn nộp cho toà án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí (nếu bị đơn phải nộp tiền tạm ứng án phí).⁽¹⁵⁾

Sau khi thụ lí yêu cầu phản tố, toà án phải tiến hành các thủ tục chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn giống như đối với việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bao gồm các thủ tục thông báo thụ lí yêu cầu phản tố, lập hồ sơ vụ việc, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải... Tuy nhiên, do Toà án nhân dân tối cao không có hướng dẫn cụ thể nên trong thực tiễn, một số toà án đã thực hiện không đúng thủ tục tố tụng khi giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn. Chẳng hạn, sau khi Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lí vụ án li hôn bà T và ông V, ngày 18/7/2016,

ông V có yêu cầu phản tố chia tiền, vàng và ngoại tệ mà bà T gửi tại các ngân hàng. Từ khi thụ lí yêu cầu phản tố, thẩm phán thực hiện không đúng thủ tục yêu cầu phản tố như thủ tục khởi kiện của nguyên đơn, không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải trước khi mở phiên toà, mà lồng ghép việc này trong quá trình xét xử và không được bà T chấp nhận. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng điều này vi phạm quy định của BLTTDS năm 2015.⁽¹⁶⁾ Điều 202 BLTTDS năm 2015 quy định: “*Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn*”, do đó, mặc dù Toà án nhân dân tối cao không có hướng dẫn cụ thể về thủ tục giải quyết yêu cầu phản tố thì các toà án cần thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử yêu cầu phản tố giống như thủ tục chuẩn bị xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như thông báo thụ lí yêu cầu phản tố, lập hồ sơ phản tố, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải.

Bên cạnh đó, khi giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, toà án có phải xem xét đến thời hiệu khởi kiện hay không là vấn đề có các quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng: “*Vụ kiện được bắt đầu bằng việc khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi toà thụ lí, bị đơn phải tìm hiểu yêu cầu khởi kiện của*

(15). Điều 13 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại toà án cấp sơ thẩm” của BLTTDS năm 2011.

(16). Phi Sơn - Nguyễn Lánh, *Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị những gì bản án sơ thẩm li hôn của vợ chồng Đặng Lê Nguyên Vũ?*, <https://kiemsat.vn/vksnd-tp-hcm-khang-nghi-nhung-gi-ban-an-so-tham-ly-hon-cua-vo-chong-dang-le-nguyen-vu-52101.html>, truy cập 02/6/2020.

nguyên đơn là gì để từ đó chấp nhận hay có yêu cầu phản tố. BLTTDS đã quy định rõ thời điểm phản tố của bị đơn. Như vậy, thời hiệu khởi kiện chỉ áp dụng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chứ không áp dụng với yêu cầu phản tố của bị đơn”.⁽¹⁷⁾ Như đã phân tích ở trên, bản chất của phản tố cũng chính là yêu cầu “kiện” nên yêu cầu và điều kiện đặt ra với việc khởi kiện cũng được áp dụng đối với yêu cầu phản tố. Do đó, nếu tính đến thời điểm đương sự nộp đơn yêu cầu phản tố, xét thấy yêu cầu phản tố đã hết thời hiệu khởi kiện (thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu phản tố) thì thẩm phán sẽ áp dụng điểm e khoản 1 Điều 217 BLTTDS để ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngoài ra, thời điểm bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố cũng là vấn đề có những quan điểm khác nhau. Mặt khác, quy định của pháp luật TTDS Việt Nam về thời điểm cuối cùng bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố không nhất quán. Cụ thể: khoản 1 Điều 176 BLTTDS năm 2004 chỉ quy định về thời điểm bắt đầu mà không quy định thời điểm cuối cùng bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố.⁽¹⁸⁾ Đến BLTTDS năm 2011, khoản 3 Điều 176 quy định, bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước khi toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Quy định này được cho là bất bình đẳng về quyền và nghĩa vụ tố tụng giữa nguyên đơn và bị đơn, bởi tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn

vẫn có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu, nếu không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu.⁽¹⁹⁾ Bên cạnh đó, thời điểm để tính ngày đầu tiên của thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm sẽ được tính lại kể từ ngày yêu cầu phản tố của bị đơn được thực hiện xong nên với quy định này, thời gian giải quyết vụ án có thể bị kéo dài. Do đó, khoản 3 Điều 200 BLTTDS năm 2015 quy định, bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 không quy định số lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời trên thực tế để giải quyết vụ án dân sự, toà án có thể tiến hành nhiều phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, do đó, sẽ là bất bình đẳng và không rõ ràng nếu không xác định rõ thời điểm bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố. Điểm 14 Phần IV Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 về một số vấn đề về nghiệp vụ của Toà án nhân dân tối cao có hướng dẫn: “*Trường hợp toà án tiến hành hoà giải nhiều lần thì lần hoà giải đầu tiên toà án phải tiến hành theo đúng trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải quy định tại Điều 210 BLTTDS năm 2015. Đối với lần hoà giải tiếp theo, toà án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ khi có tài liệu, chứng cứ mới và ghi vào biên bản hoà giải*”. Có thể thấy, mặc dù không quy định trực tiếp về thời điểm đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn song hướng dẫn

(17). Đức Trí, *Yêu cầu phản tố, có tính thời hiệu*, <http://plo.vn/phap-luat/yeu-cau-phan-to-co-tinh-thoi-hieu-602604.html>, truy cập 15/02/2020.

(18). Khoản 1 Điều 176 BLTTDS năm 2004 quy định: “*Cùng với việc phải nộp cho toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện thì bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn*”.

(19). Điều 218 BLTTDS năm 2015.

này thể hiện tinh thần toà án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng trình tự quy định từ Điều 208 đến Điều 211 BLTTDS năm 2015 một lần trước phiên hoà giải đầu tiên. Với tinh thần của hướng dẫn này cho thấy bị đơn chỉ có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đầu tiên. Quan điểm này dựa trên lập luận nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng và bị đơn phải có trách nhiệm đối với yêu cầu của mình.

Trên thực tế, nhiều vụ án dân sự, sau khi thụ lý, toà án tiến hành hoà giải ngay với mục đích nếu hoà giải thành, đương sự rút đơn khởi kiện, toà án sẽ không mất thời gian và chi phí thu thập chứng cứ. Nếu hoà giải không thành, toà án mới thu thập chứng cứ. Do đó, nếu quy định bị đơn chỉ có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đầu tiên nhiều trường hợp sẽ làm mất cơ hội phản tố của bị đơn, bị đơn phải khởi kiện vụ án dân sự khác, sẽ làm tăng chi phí tố tụng. Mặt khác, xem xét dưới góc độ bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đương sự, nếu trước phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn vẫn có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu của mình theo mọi chiều hướng thì quan điểm này là không hợp lý. Ngược lại, một số toà án sẽ tiến hành thủ tục tiếp cận, công khai chứng cứ trước thời điểm diễn ra phiên hoà giải cuối cùng. Cách giải quyết này sẽ giúp cho đương sự nắm được toàn diện nội dung, chứng cứ của vụ việc, những vấn đề đã thống nhất và còn mâu thuẫn giữa hai bên, từ đó, mỗi bên đương sự

có thể nhận thức được quyền, nghĩa vụ của mình và dự liệu phương án giải quyết.

Tham khảo Quy tắc tố tụng dân sự (Civil Procedure Rules) của Anh tại Điều 20.4 cho thấy, về nguyên tắc, bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố nguyên đơn và nộp cùng với bản tự bảo vệ (tức nộp trong 14 ngày sau khi nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn - hoặc 28 ngày nếu 2 bên cùng đồng ý kéo dài). Tuy nhiên, bị đơn có thể phản tố vào bất kì thời điểm nào khác mà được toà án cho phép.⁽²⁰⁾ Luật Hoa Kỳ (Toà án xử lí các vụ kiện nhỏ ở New York) quy định, toà án sẽ thông báo cho nguyên đơn về yêu cầu phản tố của bị đơn. Nếu nguyên đơn nhận được yêu cầu phản tố trước ngày xét xử, nguyên đơn phải chuẩn bị để trình bày trong phiên xét xử về yêu cầu kiện và lập luận của mình chống lại yêu cầu phản tố. Bị đơn có thể nộp yêu cầu phản tố vào ngày diễn ra phiên xử nếu ngày xét xử được xác định trước. Nếu bị đơn nộp yêu cầu phản tố vào ngày diễn ra phiên xử nhưng nguyên đơn không sẵn sàng để phản hồi lại yêu cầu phản tố thì thẩm phán có quyền hoãn phiên xử.⁽²¹⁾ Như vậy, có thể thấy, pháp luật tố tụng dân sự của Anh, Hoa Kỳ đều cho phép bị đơn có quyền phản tố ngay tại phiên toà. Quy định này nhằm bảo đảm quyền bình đẳng và quyền tranh tụng giữa các đương sự.

Thực tiễn tố tụng ở Việt Nam cho thấy,

(20). Các quy tắc tố tụng dân sự và hướng dẫn áp dụng - Phần 20 về “Các yêu cầu phản tố và các yêu cầu bổ sung khác”, <https://www.justice.gov.uk/courts/procedure-rules/civil/rules/part20#20.4>, truy cập 02/4/2020.

(21). Hướng dẫn về thực hiện yêu cầu phản tố, <https://www.nycourts.gov/courts/nyc/smallclaims/courterclaims.shtml>, truy cập 02/6/2020.

trong nhiều trường hợp bị đơn sẽ không phản tố, nếu nguyên đơn không thay đổi, bổ sung yêu cầu nên về nguyên tắc khi nào nguyên đơn còn có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu theo hướng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu thì bị đơn vẫn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố. Mặt khác, trong nhiều trường hợp, tại phiên hoà giải cuối cùng, sau khi đã nắm rõ nội dung vụ việc, hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của mình, các đương sự hoặc sẽ đi đến thoả thuận về giải quyết nội dung vụ việc hoặc sẽ đưa ra yêu cầu phản đối, kiện lại đương sự đối lập. Vì vậy, để bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đương sự, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự và nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án dân sự được toàn diện, tiết kiệm chi phí tố tụng, BLTTDS năm 2015 cần quy định bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố cho đến thời điểm kết thúc phiên hoà giải cuối cùng. Cụ thể, cần sửa Điều 200 và Điều 244 theo hướng sau:

“Điều 200. Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn
...

3. Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lần cuối cùng”.

Đồng thời bổ sung vào Điều 70 BLTTDS năm 2015 điều khoản quy định: “Đương sự có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu cho đến trước thời điểm kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lần cuối cùng”.

Sửa đổi Điều 244 BLTTDS theo hướng: “1. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố

hoặc yêu cầu độc lập trước thời điểm kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lần cuối cùng”.

3. Giải quyết hậu quả pháp lí khi bị đơn có yêu cầu phản tố được toà án triệu tập tham gia hoà giải nhưng vắng mặt

Như đã phân tích ở trên, bản chất của phản tố là việc bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên đối với yêu cầu phản tố thì bị đơn chính là nguyên đơn. Do đó, các quy định của BLTTDS liên quan đến việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn cũng phải được giải quyết tương tự như trường hợp của nguyên đơn đối với yêu cầu khởi kiện. Về cơ bản, các quy định của BLTTDS năm 2015 đã đáp ứng được yêu cầu này như các quy định về nghĩa vụ chứng minh, nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự... Những quy định này đã bảo đảm được sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ tố tụng giữa nguyên đơn và bị đơn song quy định về việc giải quyết hậu quả pháp lí khi bị đơn có yêu cầu phản tố đã được toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia hoà giải mà vẫn có tình vắng mặt lại chưa hợp lí.

Khoản 1 Điều 207 BLTTDS năm 2015 quy định: “*bị đơn... đã được toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn có tình vắng mặt*” thì được coi là trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được. Trong trường hợp này, toà án sẽ lập biên bản hoà giải thành và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Có thể thấy, cách giải quyết này là hợp lí nếu bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, nếu vụ án có yêu cầu phản tố của bị đơn mà bị đơn đã được

toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn cố tình vắng mặt thì cần coi như bị đơn đã từ bỏ yêu cầu phản tố của mình và toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, bởi về bản chất đối với yêu cầu phản tố thì bị đơn chính là nguyên đơn. Cách giải quyết này phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015.⁽²²⁾ Bên cạnh đó, điểm c khoản 2 Điều 227 BLTTDS quy định bị đơn có yêu cầu phản tố vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên toà thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố và toà án quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố, trừ trường hợp bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, quy định này áp dụng cho việc toà án triệu tập bị đơn tham gia phiên toà sơ thẩm, chứ không phải tham gia hoà giải. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất giữa quy định tại các điều 207, 217, 227 BLTTDS năm 2015, cần sửa đổi, bổ sung Điều 207 và 217 Bộ luật này như sau:

“Điều 207. Những vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được

1. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt...”.

“Điều 217. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

1. Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây:

(22). Điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 quy định: “Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, trừ trường hợp họ đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan” thì toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

c1) Bị đơn có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì toà án sẽ đình chỉ việc giải quyết yêu cầu độc lập của bị đơn, trừ trường hợp họ đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan...”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huy Đầu, *Luật Dân sự tố tụng Việt Nam*, Nxb. Khai trí, Sài Gòn, 1962.
2. Học viện Tư pháp, *Giáo trình Kỹ năng chuyên sâu của luật sư trong việc giải quyết các vụ án dân sự*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2016.
3. Bùi Thị Huyền, “Quyền và nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự theo quy định của BLTTDS năm 2015”, *Tạp chí Luật học*, số 7/2017.
4. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb. Lao động-Xã hội, Hà Nội, 2011.
5. Chu Xuân Minh, “Phản tố trong vụ án li hôn”, *Tạp chí Toà án điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nguyen-cuu/phan-to-trong-vu-an-ly-hon>
6. Trường Đại học Luật Hà Nội, Báo cáo tổng thuật kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “*Cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong tố tụng dân sự theo yêu cầu cải cách tư pháp và thi hành Hiến pháp năm 2013*”, Nguyễn Thị Thu Hà (chủ nhiệm), 2017.
7. Phi Sơn - Nguyễn Lánh, *Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị những gì Bản án sơ thẩm li hôn của vợ chồng Đặng Lê Nguyên Vũ?*, <https://kiem-sat.vn/vksnd-tp-hcm-khang-nghi-nhung-gi-ban-an-so-tham-ly-hon-cua-vo-chong-dang-le-nguyen-vu-52101.html>